

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Kinh tế quốc tế (International Economics)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế quốc tế
Mã ngành:	7310106
Chuyên ngành đào tạo:	Kinh tế quốc tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế đã được rà soát gần đây nhất theo Quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13/02/2023 của trường Đại học Thương mại. Trong lần sửa đổi, bổ sung này, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế đã tiếp thu các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài trong việc điều chỉnh phương pháp kiểm tra đánh giá; thu thập, tổng hợp và căn cứ vào kết quả khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan; cập nhật theo xu thế phát triển của kinh tế xã hội trong nước và quốc tế; so sánh đối chiếu với các chương trình đào tạo tương tự trong và ngoài nước.

Dựa trên những cơ sở trên, chương trình đào tạo đã được chỉnh sửa cụ thể như sau:

+ Về chuẩn đầu ra: chỉnh sửa cách diễn đạt nhằm đảm bảo các chuẩn đầu ra (CĐR) được mô tả bằng cách động từ thích hợp theo thang cấp độ tư duy Bloom. Các chuẩn đầu ra được trình bày theo các nhóm và đảm bảo bao phủ được các CĐR được quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016.

+ Về mục tiêu đào tạo: chỉnh sửa lại nhằm đảm bảo phù hợp với những điều chỉnh về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của chuyên ngành.

+ Về khung chương trình đào tạo: (1) cập nhật 01 học phần bắt buộc mới hoàn toàn & bổ sung một số học phần tự chọn vào thay thế để phù hợp với xu hướng đào tạo, đảm bảo tính logic về kiến thức và kỹ năng, phù hợp với tiến trình học tập thực tế, giảm thiểu sự trùng lặp về nội dung giữa các học phần; (2) giảm số lượng học phần tự chọn để người học tập trung hơn trong lựa chọn các học phần cốt lõi của ngành. Cụ thể:

- Kiến thức giáo dục đại cương: đưa học phần *Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản* thay thế học phần *Tin học quản lý*; giảm số lượng học phần tự chọn từ 03 học phần

chọn 01 học phần còn 02 học phần chọn 01 học phần.

- Kiến thức cơ sở ngành: giảm số lượng học phần tự chọn từ 12 học phần còn 8 học phần; đồng thời bổ sung 02 học phần tự chọn *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh & Luật kinh tế* vào thay thế.
- Kiến thức ngành: bổ sung 01 học phần bắt buộc hoàn toàn mới *Kinh tế tuần hoàn* thay thế học phần *Hội nhập kinh tế quốc tế*; giảm số lượng học phần tự chọn từ 12 học phần còn 8 học phần; đồng thời bổ sung các học phần tự chọn: *Quản trị đa văn hoá, Hội nhập Kinh tế quốc tế, Công ty đa quốc gia, Luật thương mại quốc tế 1* vào thay thế; học phần bắt buộc *Kinh tế chia sẻ* thay đổi hình thức đánh giá kết thúc học phần từ hình thức tự luận sang hình thức bài tập lớn.
- Kiến thức bổ trợ: giảm số lượng học phần tự chọn từ 06 học phần còn 04 học phần.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kinh tế quốc tế trình độ đại học thuộc ngành Kinh tế quốc tế là chương trình đào tạo ứng dụng. Chương trình đào tạo Kinh tế quốc tế được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết để học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường toàn cầu. Sinh viên theo học CTĐT này sẽ được trang bị kiến thức toàn diện về kinh tế, xã hội, pháp luật nói chung và có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp về kinh tế quốc tế và các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa; kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và vi mô, cùng với các chuyên ngành đặc thù như lý thuyết thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chính sách kinh tế quốc tế, và phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, CTĐT còn tập trung phát triển kỹ năng phân tích dữ liệu kinh tế, sử dụng các công cụ định lượng và mô hình kinh tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn. CTĐT Kinh tế quốc tế còn nhấn mạnh tính thực tiễn thông qua các dự án nghiên cứu, các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp hoặc tổ chức quốc tế. Sinh viên sẽ có cơ hội phát triển tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề và năng lực làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa.

- Mục tiêu cụ thể:

+ *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:* Chương trình cung cấp các kiến thức đa ngành, liên ngành kinh tế-kinh doanh; trang bị các kiến thức chuyên sâu và tiên tiến về chuyên ngành Kinh tế quốc tế, phù hợp với Khung năng lực quốc gia (Ban hành theo quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016). Chương trình cũng đào tạo người học thành một công dân có ý thức chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đặc biệt là pháp luật về kinh tế, tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ.

+ **Về vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân Kinh tế quốc tế sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực để đảm nhiệm vị trí công chức, viên chức tại các bộ phận có liên quan đến quản lý hoạt động về kinh tế quốc tế ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; vị trí chuyên viên tại các doanh nghiệp thương mại, sản xuất và đầu tư có tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế và toàn cầu; giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo, các viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế quốc tế.

+ **Về trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về tiếng Anh và tin học theo quy định về chuẩn đầu ra đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

+ **Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:** Có khả năng tự học suốt đời để nâng cao tri thức và các kỹ năng cần thiết phục vụ công việc; học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường; học ở các bậc học cao hơn tại trường Đại học Thương mại cũng như các trường đại học uy tín trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT cử nhân Kinh tế quốc tế đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế; nắm vững những nguyên lý kinh tế - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội, kiến thức của ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội trong công việc.

PLO2: Vận dụng được kiến thức kinh tế học nói chung, kinh tế quốc tế nói riêng để phân tích hành vi của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế thế giới và nguyên tắc hoạt động của các cấu trúc thị trường khác nhau.

PLO3: Vận dụng được các nguyên lý chung về kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế để có thể đánh giá các vấn đề, các tình huống kinh tế quốc tế trong thực tế.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên sâu thuộc chuyên ngành để có thể giải thích được các đặc trưng và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của quốc gia và đánh giá được tình hình thực thi các chính sách kinh tế quốc tế trong thực tiễn.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức bổ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành kinh tế quốc tế và có thể liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Kinh tế quốc tế có kỹ năng chuyên nghiệp về Kinh tế quốc tế ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách, bao gồm:

PLO6: Có kỹ năng tham gia xây dựng chiến lược, chính sách và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế của các cơ quan quản lý nhà nước.

PLO7: Có kỹ năng tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát các hoạt động kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia.

PLO8: Có kỹ năng phát hiện, lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, như phân tích, đánh giá các xu hướng tự do hóa thương mại khu vực và toàn cầu, xu hướng và sự vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài, xu hướng tự do hóa kinh tế, thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong các hoạt động kinh tế quốc tế... đưa ra những hướng giải quyết cụ thể.

PLO9: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phân biện, khả năng tư duy phản biện; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

PLO11: Có kỹ năng xây dựng và làm việc nhóm, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ, thích ứng với những thay đổi của môi trường, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tài, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Kinh tế quốc tế:

PLO12: Tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

PLO13: Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

PLO14: Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

PLO15: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Sinh viên trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Sinh viên phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo, ...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần		Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40 TC	Cấu trúc
1.1	Giáo dục đại cương			
1.1.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Triết học Mác - Lê Nin	MLNP0221	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	RLCP1211	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCM10121	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	3	36,18
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
12	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các học phần sau:</i>			
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12
2	Kinh tế thương mại đại cương	TECO2911	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong số các HP sau</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91 TC	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		28	

2.1.1 Các học phần bắt buộc			17	
1	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
3	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
4	Kinh tế môi trường	FECO1521	2	24,12
5	Kinh tế lao động	FECO1611	2	24,12
6	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2 Các học phần tự chọn			11	
<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>				
1	Kinh tế vi mô 2	MIEC0311	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 2	MAEC0311	3	36,18
3	Kinh tế doanh nghiệp	BMGM1021	2	24,12
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	INFO3611	3	36,18
5	Kinh tế phát triển	FECO2011	2	24,12
6	Quản lý nhà nước về kinh tế	TECO2711	3	36,18
7	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
8	Luật kinh tế	PLAW4411	3	36,18
2.2. Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)			41	
2.2.1 Các học phần bắt buộc			30	
1	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
2	Kinh tế quốc tế 2*	FECO1812	3	34,12,5
3	Kinh tế đầu tư quốc tế	FECO2022	3	36,18
4	Kinh tế Khu vực và ASEAN	FECO2031	3	36,18
5	Đầu tư quốc tế*	FECO2321	3	34,12,5
6	Kinh tế tuần hoàn	FECO2711	3	36,18
7	Chính sách kinh tế quốc tế	FECO2211	3	36,18
8	Kinh tế hải quan	ITOM2021	3	36,18
9	Kinh tế chia sẻ	FECO2811	3	36,18
10	Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế	FECO2511	3	36,18
2.2.2 Các học phần tự chọn			11	
<i>Chọn 11 TC trong các học phần sau:</i>				
1	Tài chính quốc tế	BKSC0611	3	36,18
2	Quản trị đa văn hoá	ITOM1811	3	36,18
3	Hội nhập kinh tế quốc tế	ITOM2011	3	36,18
4	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
5	Khoa học hàng hóa	ITOM1612	2	24,12
6	Công ty đa quốc gia	ITOM2311	3	36,18
7	Luật thương mại quốc tế 1	BLAW3611	3	36,18
8	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
2.3 Kiến thức bổ trợ			6	
2.3.1 Các học phần bắt buộc				
1	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	ITOM0511	3	36,18
2	Đàm phán thương mại quốc tế	ITOM1621	3	36,18
2.3.2 Các học phần tự chọn			6	
<i>Chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau:</i>				
1	Quản trị dịch vụ	TEMG2911	3	36,18
2	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18

3	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
4	Logistics trong thương mại điện tử	BLOG3111	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp		10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPE1211	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVE1511	7	0,210

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn

- Các học phần có đánh dấu * là học phần có giờ giảng thực tế.

8.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Duy Đạt



PHỤ LỤC Mô tả các học phần

Triết học Mác-Lê Nin – MLNP0221

Kết cấu chương trình của môn học: Triết học Mác-Lê Nin, ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học còn có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây là môn học cung cấp hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới thông qua các khái niệm, phạm trù, qui luật, từ đó, giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng làm cơ sở cho việc học tập các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động nghề nghiệp sau này. Những kiến thức của môn học còn là cơ sở để luận giải khoa học những quan điểm, đường lối của Đảng và tạo cho sinh viên niềm tin và thái độ đúng đắn trong cuộc sống.

Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin – RLCP1211

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh – HCM10111

Học phần giới thiệu khái quát nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức cách mạng, về nhân văn, văn hóa. Thông qua các vấn đề này, người học sẽ có một cái nhìn tổng thể về con đường cách mạng Việt Nam; về hệ thống những vấn đề trong tư tưởng Hồ Chí Minh cần quán triệt và vận dụng trong thực tiễn.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – HCM10131

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học – HCM10121

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường

quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương – TLAW0111

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác.

Tiếng Anh 1 – ENTH1411

Tiếng Anh 1 gồm 8 bài đầu của giáo trình Market Leader, giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ.v.v.. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

Tiếng Anh 2 – ENTH1511

Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại qua giáo trình Market Leader pre-intermediate (bài 1, 2, 3, 5). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.v.v... Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

Tiếng Anh 3 – ENTH1611

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ đề: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ đề ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiêu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ đề đã được học.

Ứng dụng CNTT căn bản – INFO3511

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc

sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

Phương pháp nghiên cứu khoa học – SCRE0111

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về tổng luận nghiên cứu khoa học, các thức thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp nghiên cứu định lượng, soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Toán đại cương – AMAT1011

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

Lịch sử các học thuyết kinh tế – RLCP0221

Học phần trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Kinh tế thương mại đại cương – TECO0111

Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

Kinh tế vi mô 1 – MIEC0111

Học phần giới thiệu tổng quan về kinh tế vi mô, những vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu và giá cả thị trường; học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau; nghiên cứu về thị trường các yếu tố của sản xuất của doanh nghiệp.

Kinh tế vĩ mô 1 – MAEC0111

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách

tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Kinh tế quốc tế 1 – FECO1711

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

Kinh tế môi trường – FECO1521

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Kinh tế lao động – FECO1611

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động nói chung và thị trường lao động khu vực công nói riêng.

Tiếng Anh thương mại 1 – ENTI3311

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Tiếng Anh thương mại 2 – ENTI3411

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ

thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Kinh tế vĩ mô 2 – MIEC0311

Kinh tế vĩ mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hành vi, lý thuyết về hành vi của các hãng đặc biệt là nghiên cứu sâu hơn về các hãng trên thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; phân tích chính sách phân biệt giá của các hãng độc quyền, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp độc quyền nhóm; Phân tích cân bằng tổng quát và các điều kiện hiệu quả trong thị trường cạnh tranh. Ngoài ra, học phần cũng phân tích về những khuyết tật của thị trường và vai trò của Chính phủ.

Kinh tế vĩ mô 2 – MAEC0311

Hai chương đầu đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn bao gồm: phân tích tổng cầu, tổng cung và lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn, nghiên cứu mô hình phân tích tác động trong ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Bốn chương tiếp theo đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong dài hạn. Trong đó đề cập đến các nội dung về sản xuất và phân bổ sản lượng và trạng thái cân bằng của thị trường hàng hóa dịch vụ, nghiên cứu mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư, xuất khẩu ròng và đầu tư nước ngoài ròng, mô hình cân bằng của thị trường vốn vay trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, mô hình xác định tỷ giá hối đoái thực và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô trong dài hạn. Chương tiếp theo đề cập đến thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được trình bày ở chương cuối cùng nêu ra các mô hình để giải thích nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Kinh tế doanh nghiệp – BMGM1021

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh – INFO3611

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Kinh tế phát triển – FECO2011

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh

tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

Quản lý nhà nước về kinh tế - TECO1021

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.

Kinh tế lượng - AMAT0411

Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Luật kinh tế - PLAW4411

Học phần cung cấp những kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh do vậy nội dung cơ bản của học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp (về bản chất pháp lý, về quản lý nội bộ, quy chế thành lập, giải thể, tổ chức lại và phá sản của Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân và Doanh nghiệp nhà nước); học phần cũng tập trung nghiên cứu pháp luật về Hợp đồng thương mại và một số hoạt động thương mại cụ thể; các tranh chấp kinh doanh thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và bằng tòa án. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế - ITOM1311

Ngoài phần mở đầu giới thiệu đối tượng nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung của học phần, học phần Kinh doanh quốc tế bao gồm 6 chương. Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế như quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing và R&D quốc tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính. Cuối cùng, học phần đề cập một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế. Trong nội dung của mỗi chương, ngoài nội dung những kiến thức chuyên sâu về vấn đề cụ thể còn bao gồm những thông tin cập nhật và những tình huống thực tế về hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp trên thế giới.

Kinh tế quốc tế 2 – FECO1812

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách chủ yếu áp dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; phân tích tác động của các chính sách thương mại, các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, các chính sách và định hướng cho xuất nhập khẩu tại các nước đang phát triển, cân bằng bên trong, cân bằng bên ngoài và lợi ích của các quốc gia trong điều kiện kinh tế mở.

Kinh tế đầu tư quốc tế – FECO2022

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Kinh tế đầu tư quốc tế. Học phần cũng tìm hiểu bản chất của hoạt động đầu tư quốc tế, các lý thuyết cơ bản về đầu tư quốc tế, vai trò quan trọng của đầu tư quốc tế đối với tăng trưởng, phát triển mọi mặt của kinh tế, xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần cũng phân tích rõ các yếu tố cấu thành nên môi trường đầu tư quốc tế, ảnh hưởng của nó đến kết quả hiệu quả của hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần cũng nghiên cứu về tự do hóa đầu tư và các hiệp định đầu tư quốc tế bên cạnh các chính sách có liên quan đến đầu tư quốc tế.

Kinh tế Khu vực và ASEAN – FECO2031

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực; sự hình thành và phát triển của một số liên kết khu vực trên thế giới. Học phần cũng nghiên cứu các nền kinh tế của các nước ASEAN 6 và các nước CLMV cũng như cơ hội hợp tác của Việt Nam trong AEC.

Đầu tư quốc tế - FECO2321

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Đầu tư quốc tế, sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT đến phân tích các lý thuyết ĐTQT và các yếu tố quyết định lưu chuyển dòng vốn này, vai trò của đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; làm rõ các vấn đề cơ bản trong môi trường đầu tư quốc tế; học phần cũng nghiên cứu các lý thuyết về Đầu tư quốc tế đồng thời kiểm định sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn thông qua phân tích các số liệu thống kê, nghiên cứu tình huống; học phần đồng thời nghiên cứu chính sách với hoạt động đầu tư quốc tế và các tiêu chí nhằm đánh giá dự án đầu tư quốc tế.

Kinh tế tuần hoàn – môn mới

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về Kinh tế tuần hoàn. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của kinh tế tuần hoàn, mối liên hệ giữa kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, xu hướng phát triển của kinh tế tuần hoàn, các dòng chảy vật liệu trong nền kinh tế tuần hoàn, các hành vi người tiêu dùng trong kinh tế tuần hoàn vai trò của các hành vi này, các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế tuần hoàn, và chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn; bên cạnh đó cũng cung cấp cho người học tư duy thiết kế mô hình kinh doanh tuần hoàn và những công cụ đo lường, đánh giá kinh tế tuần hoàn ở cấp độ sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia.

Chính sách kinh tế quốc tế – FECO2211

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế quốc tế bao gồm khái niệm, các bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế quốc tế cũng như các xu hướng phát triển chủ yếu của thế giới ảnh hưởng chính sách kinh tế quốc tế của một quốc gia. Học phần

nghiên cứu những nội dung cơ bản của chính sách thương mại quốc tế, chính sách đầu tư quốc tế, chính sách tài chính và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng các định chế điều tiết chính sách kinh tế quốc tế của một quốc gia.

Kinh tế hải quan – ITOM2021

Học phần Kinh tế hải quan, ngoài phần mở đầu giới thiệu đối tượng nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, nội dung của học phần còn bao gồm 6 chương, giới thiệu khái quát về hoạt động hải quan nói chung và hoạt động của hải quan Việt Nam nói riêng, tính tất yếu và xu hướng của hiện đại hóa hải quan, thủ tục hải quan điện tử. Học phần giới thiệu những nội dung liên quan quản lý nhà nước về hải quan và những nội dung cụ thể như xuất xứ hàng hóa và việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan hải quan, hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan, về các loại thuế quan, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

Trong nội dung của mỗi chương đều có những kiến thức cơ bản và những tình huống thực tế liên quan các hoạt động của hải quan, công tác quản lý nhà nước về hải quan, hoạt động hợp tác quốc tế của hải quan.

Kinh tế chia sẻ – FECO1911

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế – FECO2511

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về môi trường và thương mại quốc tế, sự tăng cường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu được thể hiện thông qua các hiệp định môi trường đa biên và đặc biệt là bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu mang tính bắt buộc đối với các hiệp định thương mại tự do đa và song phương. Bên cạnh đó cũng lý giải việc tăng cường và tác động của việc áp dụng các rào cản môi trường trong hoạt động thương mại đối với các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các rào cản môi trường trong từng khu vực thị trường cũng như trong từng nhóm mặt hàng cụ thể khi thực hiện hoạt động thương mại quốc tế.

Tài chính quốc tế – BKSC0611

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cân cân thanh toán quốc tế.

Quản trị đa văn hoá – ITOM1811

Học phần trang bị kiến thức về văn hóa, về quản trị đa văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến quản trị. Học phần cũng trang bị những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa và sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa. Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức và những kỹ năng để vượt qua sự

khác biệt về văn hóa giữa các nước và quản trị thành công trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

Hội nhập kinh tế quốc tế – ITOM2011

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế thuộc khối kiến thức ngành của ngành Kinh tế quốc tế với nội dung giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... Cuối cùng, học phần trang bị cho người học những thông tin, kiến thức về tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài những kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế, người học còn được cung cấp những thông tin, tình huống nhằm trau dồi thêm những kỹ năng như thảo luận, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng vận dụng những lý thuyết về hội nhập để đánh giá tác động đối với nền kinh tế Việt Nam cũng như các ngành kinh tế của Việt Nam.

Khởi sự kinh doanh – CEMG4111

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Khoa học hàng hoá – ITOM1612

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Công ty đa quốc gia – ITOM2311

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về công ty đa quốc gia và tác động của loại hình doanh nghiệp này đến thị trường toàn cầu. Cụ thể, học phần làm rõ các nội dung liên quan đến công ty đa quốc gia, bao gồm: lịch sử ra đời và đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này; động lực hình thành; quá trình mở rộng kinh doanh quốc tế hoá; cách thức tổ chức các hoạt động trong mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; tác động từ dòng vốn đầu tư trực tiếp, năng lực công nghệ, việc làm, và hoạt động chuyên gia của các công ty đa quốc gia đến thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến sự nổi lên trong những năm của các công ty đa quốc gia đến từ các nước đang phát triển và vai trò của Chính phủ các nước đến sự phát triển của các doanh nghiệp này.

Luật thương mại quốc tế 1 – BLAW3611

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

Quản trị chuỗi cung ứng – BLOG2011

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế – ITOM0511

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giao dịch trong thương mại quốc tế, các điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch thực hiện, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế.

Đàm phán thương mại quốc tế – ITOM1621

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế thuộc khối kiến thức ngành của ngành Kinh doanh quốc tế và ngành Kinh tế quốc tế, học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm những đặc điểm của đàm phán thương mại quốc tế, các kiểu đàm phán thương mại quốc tế, một số mô hình đàm phán, những yếu tố ảnh hưởng đàm phán thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần giới thiệu các chiến lược, các phương pháp tiếp cận và các kỹ thuật trong đàm phán thương mại quốc tế cũng như quy trình tổ chức đàm phán trong thương mại quốc tế từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kết thúc và kiểm tra quá trình đàm phán.

Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán trong thương mại quốc tế.

Quản trị dịch vụ – TEMG2911

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn,... Học phần Quản trị dịch vụ

góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Marketing căn bản – BMKT0111

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing.

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing-mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế – ITOM1511

Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về các phương thức giao nhận, vận chuyển hàng hóa quốc tế, các chứng từ trong vận tải quốc tế. Ngoài ra, học phần giới thiệu về quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch cho việc giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế, tổ chức thực hiện giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế, giám sát và điều hành quy trình giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Logistics trong thương mại điện tử – BLOG3111

Đây là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình logistics bán lẻ và xuyên biên giới để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp – REPE1211

Học phần Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế quốc tế bậc đại học. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức.

Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp – LVVE1511

Học phần Thực tập và viết khoá luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo Kinh tế quốc tế bậc đại học. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức; tổng hợp các lý thuyết có liên quan đến vấn đề được phát hiện tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá toàn diện nội dung và có giải pháp hiệu quả cho vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.